TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HS-ST
Ngày 25-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông

Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông Nguyễn Chí Khanh
- Bà Tô Thị Bảo Ánh

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Nhàn, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Kim Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2023/TLST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2023 đối với:

- Bị cáo Tống Văn Út N, sinh ngày 20/9/1995; tên gọi khác: Không; nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Bán vé số; trình độ học vấn: 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tống Văn C, sinh năm 1952 (chết) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1949 (chết); tiền án: Không. tiền sự: Không; tạm giữ: Không; bắt tạm giam: Ngày 28/3/2023.

Bị cáo hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T và có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Trần Thị N1, sinh năm 1977, *có đơn xin vắng mặt*.
Địa chỉ: khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*
1. Phạm Thị H, sinh năm 1981, *có đơn xin vắng mặt.*
Địa chỉ: tổ E, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.
Chổ ở hiện nay: khóm D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Võ Văn P (B), sinh năm 1952, *có đơn xin vắng mặt.*
3. Võ Thị Thúy N2, sinh năm 1994, *có đơn xin vắng mặt.*
Địa chỉ: khóm D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Nguyễn Phước Đ, sinh năm 1996, *có đơn xin vắng mặt.*
Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*
1. Nguyễn Minh N3, sinh năm 2003, *vắng mặt*.
Địa chỉ: khóm 2, thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp

2. Nguyễn Thị N4, sinh năm 1996, *vắng mặt.*
Địa chỉ: ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
Chổ ở hiện nay: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 28/11/2022, Tống Văn Út N đến nhà ông Võ Văn P, ngụ khóm D, thị trấn T, huyện T uống bia cùng ông P, Nguyễn Phước Đ, Nguyễn Thị N4, N5 và T (không rõ họ và địa chỉ cụ thể). Uống được khoảng 03 lon bia, Út N mượn xe mô tô biển số 66NA-005.56, nhãn hiệu KWASHAKI của Đ đi công việc. Út N điều khiển xe mô tô trên đến đại lý bia "Thiên Trang" của bà Trần Thị N1 (thuộc khóm B, thị trấn T, huyện T), quan sát thấy không có người ngồi trực xem camera giám sát kho, liền điều khiển xe đến kho chứa bia cách đại lý "Thiên Trang" khoảng 100 mét (kho chứa bia không có người trông coi, chỉ giám sát camera từ Đại lý) để xe trước cửa kho, vì kho mở sẵn, Út N đi vào lấy 02 thùng bia nhãn hiệu RuBy, loại 24 lon mang ra xe, đi đến quán N8 (thuộc khóm D, thị trấn T, huyện T) trả cho chủ quán tên Phạm Thị H 01 thùng bia vì trước đó Út N có nợ, thùng bia còn lại Út N mang đến nhà ông P uống tiếp. Uống gần hết bia, Út N hỏi mượn xe mô tô, nhãn hiệu Vision, màu đỏ, biển số 66N1-275.65 của ông P đi mua bia và thức ăn để uống bia tiếp nhưng Út N điều khiển xe trên đến kho chứa bia của bà N1 lấy 03 thùng bia có hình con Đại Bàng, loại 24 lon chở đến nhà ông P nhưng không ai uống nữa nên nghỉ.

Một lúc sau, Út N mượn xe mô tô của người tên P1 (không rõ họ và địa chỉ cụ thể) chở 03 thùng bia có hình con Đại Bàng trên đến nhà Đ (thuộc ấp C, xã T, huyện T) rủ uống nhưng Đ không đồng ý nên Út N chở số bia trên về thị trấn T, trên đường về gặp 03 người nam bán vé số (không biết họ, tên, địa chỉ cụ thể), cho mỗi người 01 thùng bia, rồi điều khiển xe trả P1 và đi đến quán của ông Chín L (thuộc khóm B, thị trấn T) nằm võng nghỉ khoảng 10 phút, sau đó đi nhờ xe (không nhớ người chở) đến nhà ông P uống bia với T, V, N5, N6, Đ, Như. Út N hỏi mượn xe mô tô 66NA-005.56 của Đ đi mua bia nhưng điều khiển xe trên

đến kho chứa bia của bà N1 lấy trộm 02 thùng bia nhãn hiệu Sài Gòn, loại "xanh" 24 lon để lên xe chạy đến cầu Bệnh viện T2 (thuộc khóm D, thị trấn T, huyện T) thấy có người đang ngồi uống bia (không nhớ tên, chỉ nhớ là người quen) nên đem 02 thùng bia trên vào hùn uống chung. Trong lúc uống có người hỏi bia này ở đâu có, Út N trả lời bia do anh ruột gửi tiền về cho 2.000.000 đồng nên mua bia uống; uống được 04 đến 05 lon bia thì nghỉ.

Do không còn bia, Út N điều khiển xe trên đi đến kho chứa bia của bà N1, đi vào kho lấy 02 thùng bia nhãn hiệu RuBy, loại 24 lon mang ra để lên xe đi đến khu vực khóm D, thị trấn T uống cùng với cháu vợ của anh ruột tên Tống Văn D (không nhớ tên người cháu). Tại đây, Út N uống được 04 lon bia thì nghỉ và mang 02 thùng bia RuBy trên xe đến nhà ông P uống tiếp. Trong lúc uống, Út N mượn xe 66N1-275.65 của ông P nói đi mua bia nhưng tiếp tục đi đến kho chứa bia của bà N1 lấy trộm 04 thùng bia, nhãn hiệu RuBy, loại 24 lon mang đến quán 268 bán 03 thùng bia cho chị H được 450.000 đồng, còn 01 thùng bia để lại uống tại quán với ông P, N7, T, V và hai người nữ (không rõ họ, tên, địa chỉ). Uống được khoảng 30 phút, Út N mượn xe của ông P chở N7 đến kho chứa bia của bà N1, Út N kêu N7 ở ngoài xe, Út N một mình đi vào kho lấy trộm 04 thùng bia RuBy, loại 24 lon và nói với N7 đã mua rồi, sau đó chở đến quán 268 bán 04 thùng bia trên cho chị H được 500.000 đồng và tiếp tục uống bia chung với nhóm người trên tại quán. Khoảng 20 phút sau Út N mượn xe của P đi đến kho chứa bia của bà N1 lấy trộm thêm 02 thùng bia RuBy, loại 24 lon mang ra khỏi kho thì bị Nguyễn Minh N3 (người trông coi kho chứa bia cho bà N1) phát hiện nên trả bia lại và điều khiển xe đến nhà ông P trả xe và ngủ lại tại đây, sau đó Công an thị trấn T đến mời làm việc.

Tại Cơ quan điều tra, Út N thừa nhận toàn bộ hành vi lấy trộm 19 thùng bia**,** trong đó 14 thùng bia nhãn hiệu RuBy; 02 thùng bia nhãn hiệu S, loại "xanh"; 03 thùng bia có hình con Đại Bàng, tất cả đều loại 24 lon vào ngày 28/1/2022 tại kho chứa bia của bà N1 đúng như nội dung đã nêu trên.

Ngoài ra, Út N còn khai nhận thêm cách ngày 28/11/2022 khoảng 02 tuần (không nhớ ngày cụ thể), Út N đi đến kho chứa bia lấy trộm 01 thùng bia nhãn hiệu Tiger, loại "nâu" 24 lon để lên xe đạp chạy đến nhà ông P uống chung với Đ, N4 và ông P. Uống hết bia, Út N kêu Đ điều khiển xe mô tô 66NA-005.56 chở đến kho bia của bà N1 để lấy 01 thùng bia nhãn hiệu RuBy, loại 24 lon và nói với Đ đã điện thoại cho chủ hỏi mua bia thiếu rồi cứ lấy đi sẽ trả tiền sau**.** Uống hết thùng bia trên, Út N mượn xe của ông P đi đến kho chứa bia của bà N1 trộm tiếp 03 thùng bia nhãn hiệu RuBy, loại 24 lon mang về nhà ông P uống tiếp. Uống hết số bia trên, Út N mượn xe của ông P đi đến kho chứa bia của bà N1 trộm tiếp 03 thùng bia có hình con Đại Bàng, loại 24 lon mang về uống tiếp. Tổng cộng trong ngày này Út N đã trộm 08 thùng bia, trong đó 01 thùng bia nhãn hiệu Tiger, loại"nâu"; 03 thùng bia có hình con Đại Bàng; 04 thùng nhãn hiệu RuBy, tất cả đều loại 24 lon.

Ngày 02/02/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo Tống Văn Út N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo. Đến ngày 27/3/2023 bị cáo mua xăng đựng trong thùng nước đá mang đến và tạt xuống nền đất, trước cửa đại lý bia "T", đe dọa đốt vì bà N1 không đồng ý cho bị cáo bồi thường trong vụ trộm cắp bia ngày 28/11/2022 (mỗi ngày Út N trả góp cho bà N1 100.000 đồng, bà nữa yêu cầu trả 01 lần 4.000.000 đồng), lúc này ông Nguyễn Trọng L1 (chồng bà N1) ra can ngăn thì bị cáo bỏ đi.

Vật chứng thu giữ: 08 thùng bia nhãn hiệu RUBY loại 24 còn nguyên; 02 thùng bia nhãn hiệu RUBY, loại 24 lon đã mở thùng, uống hết nước chỉ còn vỏ lon bia; 01 thùng bia nhãn hiệu RuBy, loại 24 lon đã mở thùng nhưng chưa uống; 01 thùng bia nhãn hiệu RuBy loại 24 lon đã mở thùng, uống còn 16 lon cho bị hại Trần Thị N1; 01 xe mô tô 66N1-275.65, nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ, loại VISION, số máy JF66E5816GY161431, số khung RHJF5816GY16143; 01 xe mô tô biển kiểm soát 66NA-005.56, nhãn hiệu KWASHAKI, màu sơn trắng đen, số máy: RPKFM1P39FMB000119667, số khung: RPKDCB1PKAH009667, đã qua sử dụng do Nguyễn Phước Đ (T1) đứng tên chủ sở hữu.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 38/KL-ĐGTS, ngày 09/12/2022, của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng huyện T, kết luận trị giá: 18 thùng bia nhãn hiệu RuBy, giá trị định giá 198.000 đồng/1 thùng x 18 thùng = 3.564.000 đồng; 06 thùng bia có hình con Đại Bàng, giá trị định giá 203.000 đồng/1 thùng x 06 thùng = 1.218.000 đồng; 02 thùng bia nhãn hiệu S, loại "xanh", giá trị định giá 258.000 đồng/1 thùng x 02 thùng = 516.000 đồng; 01 thùng bia nhãn hiệu Tiger, loại"nâu", giá trị định giá 380.000 đồng/1 thùng x 01 thùng = 380.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 5.678.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 14/CT-VKS-TN ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông đã truy tố bị cáo Tống Văn Út N phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Tống Văn Út N, phạm tội "Trộm cắp tài sản" mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Giữ nguyên theo Cáo trạng. Riêng về vật chứng theo cáo trạng đề nghị tiếp tục giao công an xử lý 01 xe mô tô biển kiểm soát 66NA-005.56, nhãn hiệu KWASHAKI, màu sơn trắng đen, số máy: RPKFM1P39FMB000119667, số khung: RPKDCB1PKAH009667, đã qua sử dụng do Nguyễn Phước Đ (T1) đứng tên chủ sở hữu không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo N, do quá trình điều tra Đ không có mặt tại địa phương. Nay, theo đơn xin vắng mặt ngày 19/5/2023 Đ yêu cầu được nhận lại xe mô tô trên nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho Đ.

- Bị cáo Tống Văn Út N khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội "Trộm cắp tài sản" như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản khám nghiệm hiện trường, Sơ đồ hiện trường ngày 28/11/2022, Bản ảnh hiện trường của Công an huyện T; Kết luận định giá tài sản số: 38/KL-ĐGTS, ngày 09/12/2022 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Lời khai bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 28/11/2022 do cần bia để sử dụng và trả tiền thiếu nợ nên bị cáo Tống Văn Út N lợi dụng sự sơ hở, thiếu cảnh giác của bị hại, đã 07 lần đến kho chứa bia của đại lý bia "Thiên Trang" do bà Trần Thị N1 làm chủ thuộc khóm B, thị trấn T, huyện T lén lút lấy trộm tổng cộng 19 thùng bia, trong đó 14 thùng bia nhãn hiệu Ruby, loại 24 lon; 02 thùng bia nhãn hiệu Sài gòn, loại "Xanh" 24 lon; 03 thùng bia có hình con Đại Bàng, loại 24 lon, giá trị 19 thùng bia trên trị giá là 3.897.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo khai cách ngày 28/11/2023 khoảng 02 tuần (không nhớ ngày cụ thể) bị cáo đã 04 lần đến kho chứa bia của bà N1 lấy trộm tổng cộng 08 thùng bia (trong đó 01

thùng bia nhãn hiệu Tiger, loại "Nâu" 24 lon; 03 thùng bia có hình con Đại Bàng; 04 thùng bia nhãn hiệu Ruby), giá trị 08 thùng bia trên trị giá 1.781.000 đồng. Theo kết luận định giá tổng giá trị tài sản bị cáo lấy trộm bia trong 2 ngày nêu trên của bị hại Nữa là 5.678.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất ổn định an ninh trật tự ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt theo điều luật quy định thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Hình phạt bổ sung: Xét thấy, bản thân bị cáo bán vé số kiến thiết thu nhập thấp nên không áp dụng.

[4] Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của mỗi người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, bất kỳ ai xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật sẽ bị trừng trị. Tình hình tội phạm về trộm cắp tài sản và hậu quả gây mất an ninh trật tự xã hội hiện nay, gây phẫn nộ trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo có đủ năng lực hành vi nhận thức được điều này nhưng vì lười lao động muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhằm phục vụ cho lợi ích cá nhân. Qua đó, thấy được ý thức xem thường pháp luật của bị cáo nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Ngoài ra, quá trình điều tra bị cáo có hành vi mua xăng mang đến và tạt xuống nền đất, trước cửa đại lý bia "Thiên Trang" của bà N1 đe dọa đốt nhưng được can ngăn và bị cáo bỏ đi, do đó bị cáo chấp hành pháp luật chưa tốt nên cần xem xét mức hình phạt nghiêm khắc khi lượng hình.

Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có cô ruột Tống Thị L2 là liệt sĩ nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình Sự. Tình tiết tăng nặng: Không.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, ngày 25/02/2023 bà Trần Thị N1 và bị cáo Tống Văn Út N đã thoả thuận bồi thường số lượng bia các loại không thu hồi được là 17,5 thùng tổng giá trị là 3.938.000đồng nhưng chưa bồi thường. Tại đơn xin vắng mặt ngày 19/5/2023 bà N1 vẫn yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền trên nên buộc bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 3.938.000đồng cho bà Nữa l phù hợp.

Đối với Phạm Thị H bị Cơ quan điều tra thu hồi số lượng bia 9,5 thùng nhãn hiệu Ruby do bị cáo Út N đã bán, bà H không yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tiền do bia bị thu hồi nên không xem xét.

[7] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 08 thùng bia nhãn hiệu RUBY loại 24 còn nguyên; 02 thùng bia nhãn hiệu RUBY, loại 24 lon đã mở thùng, uống hết nước chỉ còn vỏ lon bia; 01 thùng bia nhãn hiệu RuBy, loại 24 lon đã mở thùng nhưng chưa uống; 01 thùng bia nhãn hiệu RuBy loại 24 lon đã mở thùng, uống còn 16 lon; 01 xe mô tô 66N1-275.65, nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ, loại VISION, số máy JF66E5816GY161431, số khung RHJF5816GY161431. Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản trên cho chủ sở hữu xe mô tô trên cho ông Võ Văn P và bia cho bà Trần Thị N1 nhận lại xong nên không xem xét.

Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 66NA-005.56, nhãn hiệu KWASHAKI, màu sơn trắng đen, số máy: RPKFM1P39FMB000119667, số khung: RPKDCB1PKAH009667, đã qua sử dụng do Nguyễn Phước Đ (T1) đứng tên chủ sở hữu, quá trình điều tra Đ không có mặt tại địa phương; tuy nhiên, theo đơn xin vắng mặt ngày 19/5/2023 Đ yêu cầu được nhận lại xe mô tô trên. Xét thấy, xe mô tô trên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho anh Đ là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Đối với bị cáo Tống Văn Út N sử dụng xe mô tô biển số 66NA-000.56 của Nguyễn Phước Đ và xe mô tô 66N1-275.65 của Võ Văn P. Quá trình điều tra, Đ và P không biết bị cáo Út N sử dụng xe mô tô trên để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên không xem xét trách nhiệm.

[9] Đối với Phạm Thị H, không biết số lượng bia bà H mua là do bị cáo Út N trộm cắp mà có nên không xem xét trách nhiệm.

[10] Đối với người tên N7 (không xác định được họ và địa chỉ cụ thể), đi cùng bị cáo Út N đến kho lấy 04 thùng bia nhãn hiệu Ruby và bị cáo Út N nói bia này bị cáo mua rồi. Cơ quan điều tra chưa làm việc được với N7, đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp tiếp tục xác minh đối với N7 làm rõ xử lý theo quy định pháp luật.

[11] Đối với những người uống bia chung vào ngày 28/11/2022 gồm N6, V, T, không có mặt tại địa phương nên chưa làm việc được, đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp tiếp tục xác minh làm rõ xử lý theo quy định pháp luật.

[12] Đối với hành vi của bị cáo Tống Văn Út N mua xăng mang đến và tạt xuống nền đất, trước cửa đại lý bia "T", đe dọa đốt nhưng chưa gây thiệt hại nên không xem xét xử lý trong vụ án này. Hiện nay, Công an huyện T chuyển vụ

việc về Công an thị trấn Tràm Chim xử lý hành chính đối với bị cáo Út N nên không xem xét.

[13] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23, 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Tống Văn Út N phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Tống Văn Út N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 28 tháng 3 năm 2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Tống Văn Út N bồi thường thiệt hại cho bị hại Trần Thị N1 số tiền 3.938.000đ (Ba triệu, chín trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho Nguyễn Phước Đ: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 66NA-005.56, nhãn hiệu KWASHAKI, màu sơn trắng đen, số máy: RPKFM1P39FMB000119667, số khung: RPKDCB1PKAH009667, đã qua sử dụng.

(Tất cả vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23, 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Tống Văn Út N phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng: 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

5. Bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện T;
- Cơ quan THAHS Công an huyện T;
- Nhà tạm giữ Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Hứa Quang Thông